BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D) **Học kỳ : 2**

Thời gian : 15h30 - 18/05/2026 - Phòng thi 304 /1 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	30205020698	Trương Trần Hiền	An	AUD 351 B	K30KKT					
2	29209529600	Hoàng Phương	Anh	AUD 351 B	K29KDN					
3	30205029514	Nguyễn Phạm Tùng	Anh	AUD 351 B	K30KKT					
4	30205063315	Bùi Hoàng Quỳnh	Anh	AUD 351 B	K30KKT					
5	30205056215	Nguyễn Thị Mai	Chi	AUD 351 B	K30KKT					
6	29204938880	Phan Lê Hương	Giang	AUD 351 B	K29KDN					
7	29204960608	Phạm Thị	Hải	AUD 351 B	K29KDN					
8	30205056221	Trần Mai	Hân	AUD 351 B	K30KKT					
9	29209425676	Nguyễn Minh	Hằng	AUD 351 B	K29KDN					
10	30204963902	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	AUD 351 B	K30KKT					
11	29204960610	Nguyễn Thị	Hiền	AUD 351 B	K29KDN					
12	30205063700	Mai Thị Thảo	Hiền	AUD 351 B	K30KKT					
13	28204906958	Nguyễn Thị Thùy	Linh	AUD 351 B	K28KDN					
14	29204652002	Thái Thị Phương	Linh	AUD 351 B	K29KDN					
15	29204927440	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	AUD 351 B	K29KDN					
16	29204935426	Huỳnh Phan Tú	Linh	AUD 351 B	K30KDN					
17	29204953168	Trần Diệu	Linh	AUD 351 B	K29KDN					
18	29204959097	Nguyễn Thị Khánh	Linh	AUD 351 B	K29KDN					
19	29204962427	Trương Thị Tuyết	Mai	AUD 351 B	K29KDN					
20	29204425419	Phan Thị Nhật	Minh	AUD 351 B	K29KDN					
21	30204641415	Đậu Thị Thanh	My	AUD 351 B	K30KKT					
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D) **Học kỳ : 2**

Thời gian : 15h30 - 18/05/2026 - Phòng thi 304 /2 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	**29204965681**	Nguyễn Trần Ái	**Na**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
2	**29204954934**	Bùi Ngọc	**Nga**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
3	**29204965387**	Võ Kim	**Ngân**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
4	**29204362879**	Phan Nguyễn Kim	**Ngọc**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
5	**30204956170**	Đinh Thị Minh	**Ngọc**	**AUD 351 B**	**K30KDN**					
6	**30206564551**	Hoàng Thị Phương	**Ngọc**	**AUD 351 B**	**K30KDN**					
7	**30204956174**	Lê Thị Thanh	**Nhã**	**AUD 351 B**	**K30KDN**					
8	**29203564704**	Võ Thị Ý	**Nhi**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
9	**29204953424**	Nguyễn Tuyết	**Nhi**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
10	**29204955193**	Bùi Yến	**Nhi**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
11	**29204965703**	Châu Thị Yến	**Nhi**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
12	**29208063138**	Đặng Yến	**Nhi**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
13	**30205053673**	Võ Thị Tuyết	**Nhi**	**AUD 351 B**	**K30KKT**					
14	**29204965402**	Trà Thiên	**Phương**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
15	**29204963376**	Bùi Thị Thảo	**Quyên**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
16	**28204905337**	Nguyễn Thị Phương	**Thảo**	**AUD 351 B**	**K28KDN**					
17	**29204956916**	Trần Thị Thu	**Thảo**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
18	**29204965900**	Trần Phương	**Thảo**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
19	**29204961407**	Bùi Thị Thanh	**Thiện**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
20	**30205022643**	Lê Thị Hoài	**Thu**	**AUD 351 B**	**K30KKT**					
21	**29204959315**	Đặng Lê Thanh	**Thư**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D) **Học kỳ : 2**

Thời gian : 15h30 - 18/05/2026 - Phòng thi 307 /1 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	**28211154067**	Nguyễn Khánh	**Toàn**	**AUD 351 B**	**K30KKT**					
2	**29201154598**	Phan Thuỳ	**Trâm**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
3	**28204948656**	Nguyễn Thị Huyền	**Trang**	**AUD 351 B**	**K28KDN**					
4	**29204920950**	Nguyễn Thị Vân	**Trang**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
5	**29204959263**	Đặng Thị Thùy	**Trang**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
6	**29209448655**	Hồ Thị Thu	**Trang**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
7	**28209403965**	Trần Thị Thanh	**Tuyền**	**AUD 351 B**	**K28KDN**					
8	**30204953254**	Hứa Thị Thanh	**Tuyền**	**AUD 351 B**	**K30KDN**					
9	**29204954784**	Nguyễn Ngọc Nhã	**Uyên**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
10	**30205060693**	Lê Hà	**Uyên**	**AUD 351 B**	**K30KKT**					
11	**29204953717**	Nguyễn Thị Hồng	**Vân**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
12	**29204941566**	Tôn Nữ Tường	**Vi**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
13	**29204937281**	Trương Trần Đài	**Vĩ**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
14	**29204920095**	Trần Khánh	**Vy**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
15	**30204355574**	Nguyễn Ngọc Tường	**Vy**	**AUD 351 B**	**K30KKT**					
16	**29204654391**	Võ Thị Như	**Ý**	**AUD 351 B**	**K29KDN**					
17	**30204956130**	Nguyễn Ngọc Hoài	**An**	**AUD 351 D**	**K30KDN**					
18	**28205054483**	Nguyễn Thị Vân	**Anh**	**AUD 351 D**	**K28KKT**					
19	**30204953861**	Võ Thị Kiều	**Chinh**	**AUD 351 D**	**K30KDN**					
20	**28204946263**	Nguyễn Thị	**Điệp**	**AUD 351 D**	**K28HP-KQT**					
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D) **Học kỳ : 2**

Thời gian : 15h30 - 18/05/2026 - Phòng thi 307 /2 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	**29204959607**	Nguyễn Thị Đăng	**Đoan**	**AUD 351 D**	**K30KDN**					
2	**28201552346**	Nguyễn Thị	**Được**	**AUD 351 D**	**K28KDN**					
3	**29204758761**	Nguyễn Cao Kỳ	**Duyên**	**AUD 351 D**	**K30KKT**					
4	**30204960600**	Phạm Thị Hương	**Giang**	**AUD 351 D**	**K30KDN**					
5	**30205056219**	Nguyễn Viết Châu	**Giang**	**AUD 351 D**	**K30KKT**					
6	**30208047121**	Trần Thị Hương	**Giang**	**AUD 351 D**	**K30KKT**					
7	**30219543396**	Lâm Vủ Trường	**Giang**	**AUD 351 D**	**K30KDN**					
8	**30205032516**	Phan Thị Thu	**Hà**	**AUD 351 D**	**K30KKT**					
9	**29214956914**	Trần Ngọc	**Hiếu**	**AUD 351 D**	**K29KDN**					
10	**29204965099**	Nguyễn Thị Thu	**Hồng**	**AUD 351 D**	**K29KDN**					
11	**30205064204**	Trịnh Thị Bích	**Hợp**	**AUD 351 D**	**K30KKT**					
12	**29204956947**	Phan Minh Thu	**Hương**	**AUD 351 D**	**K29KDN**					
13	**30204956153**	Nguyễn Thị	**Hương**	**AUD 351 D**	**K30KDN**					
14	**29204940284**	Nguyễn Thị Thanh	**Huy**	**AUD 351 D**	**K29KDN**					
15	**29214939283**	Nguyễn Ngọc	**Huy**	**AUD 351 D**	**K29KKT**					
16	**29204955058**	Võ Thị	**Huyền**	**AUD 351 D**	**K29KDN**					
17	**30204623738**	Hoàng Thanh	**Huyền**	**AUD 351 D**	**K30KDN**					
18	**30205045014**	Nguyễn Thị Kim	**Khoan**	**AUD 351 D**	**K30KKT**					
19	**28204904804**	Trần Ngọc	**Lam**	**AUD 351 D**	**K29KDN**					
20	**30204956155**	Phạm Thị	**Lam**	**AUD 351 D**	**K30KDN**					
21	**29204954935**	Hà Thị Ngọc	**Lan**	**AUD 351 D**	**K29KDN**					
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D) **Học kỳ : 2**

Thời gian : 15h30 - 18/05/2026 - Phòng thi 310 /1 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	29204959314	Phan Thị	Lành	AUD 351 D	K29KDN					
2	29204738920	Nguyễn Thị Phương	Linh	AUD 351 D	K29KDN					
3	29204950854	Nguyễn Đặng Thùy	Linh	AUD 351 D	K29KDN					
4	29204965095	Nguyễn Phương	Linh	AUD 351 D	K29KDN					
5	30204923539	Nguyễn Thuỳ	Linh	AUD 351 D	K30KDN					
6	30208030384	Trần Thị Mai	Linh	AUD 351 D	K30KKT					
7	29204964723	Vũ Thị	Lụa	AUD 351 D	K29KDN					
8	30204856067	Phan Ngọc	Mai	AUD 351 D	K30KKT					
9	29204962509	Huỳnh Ngọc	Mến	AUD 351 D	K29KDN					
10	29204962512	Hồ Thị Trà	My	AUD 351 D	K29KDN					
11	28204949858	Trần Thị Nguyệt	Nga	AUD 351 D	K28KDN					
12	29219546414	Trần Đại	Nghĩa	AUD 351 D	K29KKT					
13	28204903184	Lưu Yến	Nhi	AUD 351 D	K28KDN					
14	28205136622	Lê Ngọc Yến	Nhi	AUD 351 D	K28KDN					
15	30206355038	Trịnh Thị Uyển	Nhi	AUD 351 D	K30KDN					
16	30209528418	Phan Thị Yến	Nhi	AUD 351 D	K30KDN					
17	30204964418	Nguyễn Hồng	Nhung	AUD 351 D	K30KDN					
18	29214946038	Đoàn Nguyễn Văn	Quý	AUD 351 D	K29KDN					
19	29204939102	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	AUD 351 D	K29KDN					
20	29204964994	Cao Thị Bảo	Quyên	AUD 351 D	K29KDN					
21	30205064959	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	AUD 351 D	K30KDN					
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D) **Học kỳ : 2**

Thời gian : 15h30 - 18/05/2026 - Phòng thi 310 /2 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	30204951777	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	AUD 351 D	K30KDN					
2	30201156778	Lê Thị Thu	Sương	AUD 351 D	K30KKT					
3	30204860538	Nguyễn Thị	Sương	AUD 351 D	K30KKT					
4	29204949970	Lâm Khả	Tâm	AUD 351 D	K29KDN					
5	30215029171	Nguyễn Thị Thu	Thảo	AUD 351 D	K30KKT					
6	30206524989	Nguyễn Thị Trương	Thuỳ	AUD 351 D	K30KKT					
7	30204860548	Lê Thị Bích	Thuỷ	AUD 351 D	K30KKT					
8	29204961390	Lê Đào Thanh	Trà	AUD 351 D	K29KDN					
9	30204938175	Võ Đào Bảo	Trâm	AUD 351 D	K30KDN					
10	29204923845	Trương Lê Tố	Trân	AUD 351 D	K29KDN					
11	30205056234	Phạm Thị Huyền	Trang	AUD 351 D	K30KKT					
12	30204355555	Trương Thị Tố	Trinh	AUD 351 D	K30KKT					
13	29204644898	Huỳnh Thị	Tuyền	AUD 351 D	K29KDN					
14	29206254994	Nguyễn Đỗ Ngọc	Uyên	AUD 351 D	K29KDN					
15	30204942533	Trần Thị Thảo	Uyên	AUD 351 D	K30KKT					
16	30204953447	Đoàn Thị Thu	Vân	AUD 351 D	K30KDN					
17	30204638075	Nguyễn Thảo	Vy	AUD 351 D	K30KDN					
18	30204950896	Nguyễn Thị Tường	Vy	AUD 351 D	K30KDN					
19	30206254447	Đặng Thị Khánh	Vy	AUD 351 D	K30KKT					
20	29204949722	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	AUD 351 D	K29KDN					
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										